

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Kế hoạch số 270-KH/TU ngày 09/3/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” (Nghị quyết số 29-NQ/TW), Ban Thường vụ Thị ủy xây dựng kế hoạch tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 05/3/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (*Chương trình hành động số 26-CTr/TU*); Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” (*Kết luận số 51-KL/TW*); Kế hoạch số 495-KH/TU của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” (*Kế hoạch số 495-KH/TU*); Kế hoạch số 58-KH/HU, ngày 26/12/2013 về “*tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)*”; Chương trình hành động số 28-CTr/HU, ngày 24/10/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã (*Chương trình hành động số 28-CTr/HU*) về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW gắn với Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã về phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Nghị quyết số 04-*

NQ/TU). Tập trung làm rõ những kết quả đạt được; hạn chế, yếu kém và nguyên nhân sau 10 năm triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW; những khó khăn, thách thức, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp, các kiến nghị, đề xuất để triển khai có hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới.

- Đóng góp cơ sở thực tiễn để tham mưu, đề xuất với Trung ương, Tỉnh ủy xem xét, ban hành văn bản mới tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Đại hội XIII của Đảng đề ra.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW đảm bảo toàn diện, khách quan, nghiêm túc hiệu quả, tránh hình thức và phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, các tầng lớp nhân dân.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Nội dung

Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW gắn với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và Chương trình hành động số 26-CTr/TU, Kế hoạch số 495-KH/TU của Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 28-CTr/HU trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

(1) Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-CTr/TU, Chương trình hành động số 28-CTr/HU.

- Kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-CTr/TU, Chương trình hành động số 28-CTr/HU, bao gồm: Thành tựu đạt được (đánh giá toàn diện những kết quả đạt được trên tất cả các nội dung được nêu trong Nghị quyết, Chương trình hành động); hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

(2) Những mô hình hay, cách làm hiệu quả.

(3) Những khó khăn, vướng mắc

(4) Bài học kinh nghiệm

(5) Bối cảnh và những vấn đề mới đặt ra

(6) Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

(7) Đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, xử lý những vấn đề bức xúc, nhạy cảm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới.

(Có đề cương hướng dẫn báo cáo tổng kết và phụ lục đính kèm)

2. Hình thức

Các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW tại địa phương, đơn vị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch của Ban Thường vụ Thị ủy, cấp ủy các chi, đảng bộ chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả.

2. HĐND thị xã tiến hành thông kê, báo cáo về việc lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan đến thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo *(từ khi có Nghị quyết số 29-NQ/TW đến nay)*; xây dựng báo cáo gửi về Ban Thường vụ Thị ủy *(qua Ban Tuyên giáo Thị ủy)* trước ngày **30/3/2023**.

3. UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, nhất là việc cụ thể hóa và kết quả triển khai, thực hiện những quan điểm, mục tiêu, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động số 26-CTr/TU, Chương trình hành động số 28-CTr/HU thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao; tổng hợp, xây dựng báo cáo gửi về Ban Thường vụ Thị ủy *(qua Ban Tuyên giáo Thị ủy)* trước ngày **30/3/2023**.

4. Các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW gửi về Ban Thường vụ Thị ủy *(qua Ban Tuyên giáo Thị ủy)* trước ngày **30/3/2023**.

5. Ban Tuyên giáo Thị ủy:

- Theo dõi, đôn đốc các cấp ủy, địa phương, đơn vị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-CTr/TU; Chương trình hành động số 28-CTr/HU.

- Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW trên địa bàn thị xã.

6. Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền những thành tựu đạt được, bài học kinh nghiệm và biểu dương, cổ vũ kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-Ctr/TU, Chương trình hành động số 28-CTr/HU.

Ban Thường vụ Thị ủy yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Thường trực Thị ủy, HĐND, UBND thị xã,
- Các Ban Đảng, Trung tâm Chính trị thị xã,
- UB MTTQ và các đoàn thể CT-XH thị xã,
- Các chi, đảng bộ cơ sở (t/h),
- Trung tâm Truyền thông và văn hóa thị xã (t/h),
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Ngọc Bằng

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26/CTr/TU và Chương trình hành động số 28-CTr/HU

STT	Số, trích dẫn văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Hiệu lực
1			(Còn hiệu lực/Hết hiệu lực)
2			
3			
...			

PHỤ LỤC 2

**kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Chương trình 26-CTr/TU
thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TU về đổi mới căn bản, toàn diện
giáo dục và đào tạo**

TT	Các chỉ tiêu tiêu phần đầu	Đạt		Không đạt		
		Số lượng	%	Số lượng	%	
A	Đến năm 2015 (6 chỉ tiêu)					
I	Giáo dục mầm non					
1	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi					
2	Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo					
3	Đảm bảo 100% trường mầm non đảm bảo tốt các điều kiện để nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ					
II	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học					
1	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên có đủ khả năng tiếp nhận 15% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở					
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73%					
3	Số sinh viên tất cả các hệ đào tạo đạt ít nhất 300/vạn dân					
B	Từ năm 2015 đến năm 2020 (1 chỉ tiêu)					
I	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học					
1	Trước năm 2020 hoàn thiện hệ thống cơ sở đào tạo thuộc tỉnh để chủ động cung cấp nhân lực cho các ngành kinh tế, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh					
C	Đến năm 2020 (26 chỉ tiêu)					
I	Giáo dục mầm non					
1	Có ít nhất 40% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non					
2	Có 90% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non					
3	Tỷ lệ trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi), thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đều giảm xuống dưới 5%					
II	Giáo dục phổ thông					
4	Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1					

5	100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6					
6	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99%					
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở trung học cơ sở là 95%					
8	30% học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học trung cấp nghề hoặc học trung cấp chuyên nghiệp					
9	90% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương					
III	Giáo dục thường xuyên					
10	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên đạt 98%					
11	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt thấp nhất là 99,5%					
IV	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học					
12	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở					
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 89%					
14	Số sinh viên tốt nghiệp các hệ đào tạo đạt ít nhất 400/vạn dân					
V	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn					
15	100% cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị					
16	100% giáo viên mầm non đạt chuẩn,					
17	70% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn					
18	100% giáo viên giáo dục phổ thông đạt chuẩn					
19	100% giáo viên tiểu học có trình độ đào tạo trên chuẩn					
20	90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đào tạo trên chuẩn					
21	20% giáo viên trung học phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn					
22	40% giảng viên trường trung cấp chuyên nghiệp, có trình độ thạc sĩ trở lên					
23	70% giảng viên trường cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên					
24	100% giảng viên các trường đại học thuộc tỉnh có trình độ thạc sĩ trở lên					
25	100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn					
26	90% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia					

PHỤ LỤC 3
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học mầm non; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường mầm non; (4). Số trường mầm non ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học mầm non; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên mầm non; (8). Số giáo viên mầm non đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 4
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học tiểu học (TH); (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 6
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 7
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 8
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Sinh viên		Cơ sở vật chất				Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4). Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp; (6). Số cơ sở đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 11

MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013									
2014									
2015									
2016									
2017									
2018									
2019									
2020									
2021									
2022									

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).

PHỤ LỤC 12
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kinh phí xã hội hóa	Kết quả
1					
2					
..					
Tổng kinh phí thực hiện:					

Ghi chú: Thống kê đầy đủ các chương trình, kế hoạch, đề án đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo thuộc chức năng quản lý nhà nước của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI
về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu
công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 228 -KH/TU, ngày 14 tháng 3 năm 2023)

PHẦN THỨ NHẤT

**Tình hình kinh tế - xã hội và công tác triển khai thực hiện
Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đánh giá đặc điểm tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị; những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 29-NQ/TW).

II. QUÁ TRÌNH QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW

Phương thức, tiến độ triển khai nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW; thống kê số lượng các hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết, thành phần tham gia; hiệu quả của các hội nghị quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW.

2. Công tác tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW

Đánh giá hình thức, nội dung, hiệu quả tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới cán bộ, đảng viên và nhân dân; đánh giá về mức độ đồng thuận, ủng hộ của nhân dân đối với các hoạt động đổi mới giáo dục.

3. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Chương trình hành động số 26-CTr/TU, Chương trình hành động số 28-CTr/HU; việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW thành các quy định cụ thể để thực hiện thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong xã hội (Cần nêu rõ số lượng, tên và trích yếu văn bản của địa phương, cơ quan, đơn vị để cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TU - Phụ lục 1).

- Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các đề án thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành và đang áp

dụng trong thực tiễn (hiệu quả xã hội của các đề án) hoặc chưa hoàn thành (chưa thực hiện).

- Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW qua các giai đoạn 5 năm, 10 năm; việc gắn các nội dung của Nghị quyết với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động đơn vị hàng năm, cả nhiệm kì.

PHẦN THỨ HAI

Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐÃ ĐỀ RA TẠI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 26-CTR/TU

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Chương trình hành động số 26-CTR/TU, Chương trình hành động số 28-CTR/HU thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TU: đã đạt, không đạt so với mục tiêu đề ra (chỉ rõ nguyên nhân) - Phụ lục 2.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG NGHỊ QUYẾT 29-NQ/TW

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”; mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Kết quả công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ, đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Công tác dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của bộ, ngành, địa phương; kết quả thực hiện chính sách đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực.

- Đánh giá kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường...).

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

người học; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Một số kết quả nổi bật đạt được của giáo dục, đào tạo phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đánh giá kết quả đạt được trong: (1) Đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; (2) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hình thức học tập, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học.

- Kết quả đạt được nổi bật của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp; dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học.

- Công tác dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số.

- Đánh giá hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết quả đạt được triển khai cụ thể cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Những kết quả nổi bật trong đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo.

- Lộ trình, phương án đổi mới và kết quả đạt được trong thi và công nhận tốt nghiệp phổ thông theo hướng giảm áp lực, tốn kém cho xã hội, đảm bảo độ tin cậy, trung thực, làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Công tác đánh giá diện rộng ở phổ thông, làm cơ sở điều chỉnh chính sách về giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá sự phát triển của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông; học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Những kết quả đạt được nổi bật trong việc xây dựng hệ thống giáo dục mở.

- Đánh giá hiệu quả của các trường bán trú; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên.

- Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; sự liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Đánh giá chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

- Đánh giá việc triển khai Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012- 2020; Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020 của Chính phủ gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương “cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp”.

- Công tác chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng đầu ra; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo; sự phân định giữa quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục. Công tác quản lý cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

- Kết quả triển khai chủ trương “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”; “giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường”. Công tác giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được trong công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Công tác xây dựng, ban hành, triển khai chuẩn nhà giáo; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nâng chuẩn, đạt chuẩn theo hướng nâng chuẩn trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học.

- Chính sách phát triển, quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ở trung ương và địa phương; chính sách thu hút và sự hấp dẫn của các trường sư phạm đối với học sinh giỏi theo học.

- Việc ban hành các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kết quả triển khai chế độ ưu đãi và tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; mức độ thực hiện chủ trương “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”.

- Chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học; huy động chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong tỉnh.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục.

- Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm so với yêu cầu tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; đánh giá cơ cấu chi, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, cụ thể:

+ Công tác phân bổ, giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo của ngân sách địa phương;

+ Chi đầu tư phát triển, tăng cường cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật về đầu tư công / so với tổng dự toán vốn chi đầu tư phát triển của địa phương;

+ Chi hoạt động thường xuyên so với tổng dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương; Trong đó, tỷ lệ (%) giữa tiền lương, phụ cấp của giáo viên với chi phục vụ công tác hoạt động giảng dạy, quản lý tại cơ sở giáo dục công lập theo nguyên tắc quy định của Chính phủ (81/19 hoặc 80/20).

- Đánh giá kết quả triển khai quy định về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2015-2021 theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; giai đoạn 2022-2023 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính gắn mới số thu học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị quyết số 65/2021/NQ-HDND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; hoạt động liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong nước, nước ngoài.

- Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Những kết quả nổi bật đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn thị xã.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

- Đánh giá kết quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Đánh giá công tác quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài ở địa phương.

III. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm

Tập trung phân tích và làm rõ những hạn chế, khuyết điểm trong nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 26-CTr/TU; Chương trình hành động số 28-CTr/HU và các văn bản thể chế hóa về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; quá trình tổ chức thực hiện, việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Năng lực tổ chức quản lí, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 29-NQ/TW.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

IV. MỘT SỐ MÔ HÌNH HAY, CÁCH LÀM HIỆU QUẢ TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW

V. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW

VI. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

PHẦN THỨ BA

**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu,
tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tình hình địa phương; quy hoạch, chiến lược, dự báo nguồn nhân lực gắn với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; những diễn biến, xu hướng đáng lưu ý về kinh tế - xã hội, về khoa học công nghệ ảnh hưởng tới đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG

Chỉ rõ phương hướng tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên cơ sở đánh giá kết quả thực 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; bám sát định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, trong Nghị quyết Đảng bộ địa phương; xu hướng phát triển thế giới về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh tác động sâu rộng và toàn diện của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các nhiệm vụ, giải pháp hướng tới tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; gắn các nhiệm vụ, giải pháp với hiện thực hóa quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”; khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-CT/TW; nhân rộng, phát huy những mô hình tốt, cách làm hay trong đổi mới giáo dục và đào tạo; tạo được sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng được những quan điểm mới, yêu cầu mới.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ; các ban, bộ, ngành Trung ương và tỉnh.
